

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học
chuyên ngành Công nghệ Gia công cắt gọt 150 tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên (ĐHTN);

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/3/2015 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHTN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/3/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTCN) về việc ban hành “Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị văn hóa của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp”;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-ĐHKTCN ngày 15/6/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTCN) về việc “Thành lập Hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành công nghệ và tổ thư ký”;

Căn cứ Biên bản số 1129/BB-HĐKH&ĐT ngày 08/7/2020 của Hội đồng Khoa học & Đào tạo trường ĐHKTCN;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-ĐHKTCN ngày 17/8/2020 của Hiệu trưởng trường ĐHKTCN về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Công nghệ Gia công cắt gọt 150 tín chỉ;

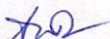
Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Công nghệ Cơ Điện & Điện tử,

QUYẾT ĐỊNH:

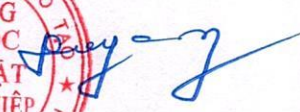
Điều 1. Ban hành Khung chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Công nghệ Gia công cắt gọt 150 tín chỉ thuộc ngành Công nghệ Chế tạo máy (mã số: 7510202) (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tổ chức quản lý, điều hành, biên soạn đề cương chi tiết các học phần và đề thi đã được xác định trong chương trình đào tạo đúng theo quy chế hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Công nghệ Cơ Điện & Điện tử và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- ĐHTN (để b/c);
- BGH (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ GIA CÔNG CẮT GỌT

*Chương trình khung chuyên ngành Công nghệ gia công cắt gọt đã được
Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
thông qua và nghiệm thu.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT
HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Duy Cường

Thái Nguyên, năm 2020

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2020

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ GIA CÔNG CẮT GỌT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1578/QĐ-ĐHKTCN ngày 18/8/2020
Của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Công nghệ Chế tạo máy
2. **Mã ngành:** 7510202
3. **Chuyên ngành đào tạo:** Công nghệ gia công cắt gọt
4. **Cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên
6. **Trình độ đào tạo:** Đại học
7. **Loại hình đào tạo:** Chính quy
8. **Điều kiện tuyển sinh:** Tuyển sinh thông qua kỳ thi tuyển sinh quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
9. **Điều kiện tốt nghiệp:** Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo
10. **Văn bằng tốt nghiệp:** Kỹ sư ngành Công nghệ Chế tạo máy

II. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức:

Thời gian đào tạo:	4.5
Khối kiến thức:	150 tín chỉ

2.2. Cấu trúc các khối kiến thức:

3.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38 tín chỉ, chiếm 25,3%
3.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	112 tín chỉ, chiếm 74,7%

Trong đó:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành	43 tín chỉ, chiếm 28,7%
+ Khối kiến thức chuyên ngành	33 tín chỉ, chiếm 22%
+ Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	36 tín chỉ, chiếm 24%

2.3. Khung chương trình đào tạo chuyên ngành Công nghệ gia công cắt gọt

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TN, TH	Khoa, BM, trung tâm đảm nhiệm	Ghi chú
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
1. Khối kiến thức bắt buộc							
1	BAS123	Triết học Mác-Lê nin	3			Bộ môn Lý luận chính trị	
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2				
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				
4	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2				
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
6	BAS0108	Đại số tuyến tính	2			Khoa Khoa học cơ bản	
7	BAS0107	Giải tích	4				
8	BAS0106	Vật lý đại cương	3				
9	ENG112	Tiếng Anh 1	3			Khoa Quốc tế	
10	ENG113	Tiếng Anh 2	3				
11	ENG217	Tiếng Anh 3	3				
12	FIM207	Pháp luật đại cương	2			Khoa KTCN	
13	TEE0211	Tin học trong kỹ thuật	3			Khoa Đ. tử	
14		Giáo dục quốc phòng				TTGDQP	
15	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc					
2. Khối kiến thức tự chọn							
16	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 học phần hoặc 1 trong 2 học phần)						
16.1	BAS0110	Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản				Khoa KHCB	
16.2	BAS0113	Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao					
17	Tự chọn TN (chọn 1 trong 2 HP)		2				
17.1	MEC0201	Đại cương về kỹ thuật	(2)			Khoa Cơ khí	
17.2	BAS0105	Hóa học đại cương	(2)			Khoa KHCB	
18	Tự chọn VH-XH-MT (chọn 1 trong 3 học phần)		2				
18.1	FIM101	Môi trường và Con người	(2)			Khoa XDMT	
18.2	PED101	Logic	(2)			Khoa CNCĐ&ĐT	
18.3	PED0105	Giao tiếp kỹ thuật	(2)				
		Tổng	38				

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
1. Khối kiến thức cơ sở ngành							
1.1. Khối kiến thức bắt buộc							
19	MEC0106	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3			Khoa Cơ khí	
20	MEC0110	Vẽ kỹ thuật Cơ khí và AutoCAD	3				
21	MEC0204	Cơ kỹ thuật 1	2			Khoa ô tô &MĐL	
22	MEC205	Cơ kỹ thuật 2	2				
23	BAS204	Kỹ thuật nhiệt	2	25	5		
24	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3			Khoa Điện	
25	MEC304	Vật liệu kỹ thuật	3			Khoa Cơ khí	
26	MEC203	Cơ học vật liệu	3				
27	PED203	Công nghệ gia công không phoi	3	37	8	Khoa CNCĐ&ĐT	
28	MEC0351	Nguyên lý máy	2			Khoa Cơ khí	
29	MEC318	Dung sai và đo lường	3				
30	MEC306	Chi tiết máy	3				TN
31	MEC0350	Đồ án chi tiết máy	2				
32	PED413	Điều khiển thủy lực, khí nén	3			Khoa CNCĐ&ĐT	
33	PED0326	Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật	2				
34	PED0454	Kỹ thuật an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí	2				
1.2 Khối kiến thức tự chọn			2				
35	Tự chọn Kỹ thuật 1 (chọn 1 trong 2 học phần)						
35.1	BAS203	Kỹ thuật thủy khí	(2)	25	5	Khoa Ô tô &MĐL	
35.2	TEE329	Kỹ thuật đo lường	(2)			Khoa Đ.tử	
		Tổng	43				
2. Khối kiến thức chuyên ngành Công nghệ gia công cắt gọt							
2.1 Khối kiến thức bắt buộc							
36	PED0324	Công nghệ gia công cơ 1	4			Khoa CNCĐ&ĐT	BTL
37	PED0325	Công nghệ gia công cơ 2	3				

38	PED0442	Công nghệ gia công cơ 3	2				
39	PED0434	Đồ gá	2				
40	PED0415	Đồ án Công nghệ gia công cơ	2				
41	PED0443	Công nghệ CAD/CAM-CNC	3				
42	PED416	Công nghệ hàn	3	37	8		
43	PED419	Công nghệ gia công tiên tiến	3				
44	PED0327	Bảo dưỡng và sửa chữa máy công nghiệp	2				
45	PED0329	Máy và hệ thống điều khiển số	2				
2.2 Khối kiến thức tự chọn			7				
46	Tự chọn Kinh tế và QTDN (chọn 1 trong 3 học phần)		2				
46.1	MEC0480	Kinh tế kỹ thuật	(2)			Khoa Cơ khí	
46.2	FIM501	Quản trị doanh nghiệp công nghiệp	(2)			Khoa KTCN	
46.3	FIM0364	Quản trị chất lượng	(2)				
47	Tự chọn Kỹ thuật 2 (chọn 1 trong 2 học phần)		2				
47.1	PED0328	Công nghệ hàn tự động	(2)	22	8	Khoa	
47.2	PED0418	Cơ điện tử ứng dụng	(2)			CNC&ĐT	
48	Tự chọn Kỹ thuật 3 (chọn 1 trong 3 học phần)		3				
48.1	PED433	Tự động hóa quá trình sản xuất	(3)			Khoa CNC&ĐT	
48.2	PED0453	Trang bị điện cho máy công cụ	(3)				
48.3	MEC421	Thiết kế sản phẩm với CAD	(3)			Khoa Cơ khí	
		Tổng	33				
3. Khối kiến thức thực hành, thực tập và tốt nghiệp							
49	WSH0316	Thực tập nguội	1			TTTN	
50	WSH0210	Thực tập hàn	2				
51	WSH0324	Thực tập tiện	2				
52	WSH0441	Thực tập phay, bào, mài	2				
53	MEC0441	Thực tập CAD/CAM-CNC	2			Khoa Cơ khí	
54	WSH0325	Thực tập bảo dưỡng và sửa chữa máy công nghiệp	1			TTTN	

55	PED0455	Chuyên đề thực tế CNCTM	6			Khoa CNCĐ&ĐT	
56	PED0456	Trải nghiệm doanh nghiệp	5				
57	PED0457	Thực tập chuyên ngành CNGCCG	3				
58	PED0513	TTTN chuyên ngành công nghệ gia công cắt gọt (TT kỹ sư)	5				
59	PED0514	ĐATN chuyên ngành công nghệ GCCG (ĐA kỹ sư)	7				
		Tổng	36				
		Cộng I + II	150				

III. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ GIA CÔNG CẮT GỌT HỌC KỲ 1

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác - Lê nin	3		
2	BAS0108	Đại số tuyến tính	2		
3	ENG112	Tiếng Anh 1	3		
4	BAS0106	Vật lý đại cương	3		
5	MEC0106	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3		BT+TH
6	Tự chọn TN (chọn 1 trong 2 học phần)		2		
6.1	MEC0201	Đại cương về kỹ thuật	(2)		
6.2	BAS0105	Hóa học đại cương	(2)		
7	Tự chọn VH-XH-MT (chọn 1 trong 3 học phần)		2		
7.1	FIM101	Môi trường và Con người	(2)		
7.2	PED101	Logic	(2)		
7.3	PED0105	Giao tiếp kỹ thuật	(2)		
8	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc	(1)		
		Tổng	18		

HỌC KỲ 2

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2		
2	BAS0107	Giải tích	4		
3	ENG113	Tiếng Anh 2	3		
4	MEC0204	Cơ kỹ thuật 1	2		
5	MEC0110	Vẽ kỹ thuật Cơ khí và AutoCAD	3		BT+TH
6		Giáo dục quốc phòng	(5)		
7	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 học phần hoặc 1 trong 2 học phần)		(1)		
7.1	BAS0110	Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản			
7.2	BAS0113	Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao			
		Tổng	14		

HỌC KỲ 3

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	ENG217	Tiếng Anh 3	3		
3	MEC205	Cơ kỹ thuật 2	2		
4	MEC203	Cơ học vật liệu	3		BTL
5	MEC304	Vật liệu kỹ thuật	3		
6	BAS204	Kỹ thuật nhiệt	2		
7	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3		
		Tổng	18		

HỌC KỲ 4

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
2	MEC318	Dung sai và đo lường	3		
3	MEC0351	Nguyên lý máy	2		
4	MEC306	Chi tiết máy	3		TN
5	PED203	Công nghệ gia công không phoi	3	8	TH
6	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
7	WSH0316	Thực tập nguội	1		
8	Tự chọn kỹ thuật 1 (chọn 1 trong 2 học phần)		2		
8.1	BAS203	Kỹ thuật thủy khí	(2)		
8.2	TEE329	Kỹ thuật đo lường	(2)		
		Tổng	18		

HỌC KỲ 5

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	PED416	Công nghệ hàn	3	8	TH
3	MEC0350	Đồ án chi tiết máy	2		
4	PED413	Điều khiển thủy lực, khí nén	3		
5	PED0324	Công nghệ gia công cơ 1	4		BTL
6	WSH0210	Thực tập hàn	2		
7	TEE0211	Tin học trong kỹ thuật	3		
8	PED0326	Kỹ năng làm việc trong môi trường KT	2		
		Tổng	21		

HỌC KỲ 6

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	PED0325	Công nghệ gia công cơ 2	3		
2	PED0327	Bảo dưỡng và sửa chữa máy công nghiệp	2		
3	PED419	Công nghệ gia công tiên tiến	3		
4	WSH0324	Thực tập tiện	2		
5	WSH0325	Thực tập bảo dưỡng và sửa chữa máy CN	1		
6	PED0329	Máy và hệ thống điều khiển số	2		
7	Tự chọn KT và QTDN (chọn 1 trong 3 học phần)		2		
7.1	MEC0480	Kinh tế kỹ thuật	(2)		
7.2	FIM501	Quản trị doanh nghiệp công nghiệp	(2)		
7.3	FIM0364	Quản trị chất lượng	(2)		
8	Tự chọn kỹ thuật 2 (chọn 1 trong 2 học phần)		2		
8.1	PED0328	Công nghệ hàn tự động	(2)	8	TH
8.3	PED0418	Cơ điện tử ứng dụng	(2)		
		Tổng	17		

HỌC KỲ 7

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	PED0442	Công nghệ gia công cơ 3	2		
2	PED0434	Đồ gá	2		
3	PED0415	Đồ án công nghệ gia công cơ	2		
4	PED0443	Công nghệ CAD/CAM-CNC	3		
5	PED0454	Kỹ thuật an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí	2		
6	Tự chọn Kỹ thuật 3 (chọn 1 trong 3 học phần)		3		
6.1	PED433	Tự động hóa quá trình sản xuất	(3)		
6.2	PED0453	Trang bị điện cho máy công cụ	(3)		
6.3	MEC421	Thiết kế sản phẩm với CAD	(3)		
7	MEC0441	Thực tập CAD/CAM-CNC	2		
8	WSH0441	Thực tập phay, bào, mài	2		
		Tổng	18		

HỌC KỲ 8

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	PED0455	Chuyên đề thực tế CNCTM	6		
2	PED0456	Trải nghiệm doanh nghiệp	5		
2	PED0457	Thực tập chuyên ngành CNGCCG	3		
3		Tổng	14		

HỌC KỲ 9

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	PED0513	TTTN chuyên ngành công nghệ gia công cắt gọt (TT kỹ sư)	5		
2	PED0514	ĐATN chuyên ngành công nghệ gia công cắt gọt (ĐA kỹ sư)	7		
		Tổng	12		

